

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Thành, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Phê duyệt triển khai niêm yết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã Tân Thành bằng mã QR

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính Phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ);

Xét đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân xã.

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này **168 mã QR** để triển khai niêm yết **168 thủ tục hành chính** thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã Tân Thành *(Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký .

Điều 3. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã Tân Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- Các ban, ngành, tổ chức đoàn thể;
- Như điều 3;
- Lưu : VT.



Nguyễn Hữu Dũng



PHỤ LỤC

Phê duyệt triển khai niêm yết Danh mục TTHC thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã Tân Thành bằng mã QR

(Kèm theo Quyết định số : H0/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thành)

ST T	TÊN TTHC	MÃ DỊCH VỤ CÔNG	MỨC ĐỘ	MÃ QR
Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng : 01 TTHC				
1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620.000.00.00.H10	Toàn trình	
Lĩnh vực Xây dựng chính quyền : 01 TTHC				
2	- Thành lập thôn, ấp, khu phố mới	2.000465.000.00.00.H10	Toàn trình	
Lĩnh vực Chứng thực : 15 TTHC				
3	- Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H10	Một phần	
4	- Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H10	Một phần	
5	- Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy tờ	2.000815.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

6	- Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H10	Một phần	
7	- Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H10	Một phần	
8	- Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.	2.001035.000.00.00.H10	Một phần	
9	- Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H10	Một phần	
10	- Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H10	Một phần	
11	- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843.000.00.00.H10	Một phần	
12	- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

13	- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H10	Một phần	
14	- Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H10	Một phần	
15	- Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H10	Một phần	
16	- Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H10	Một phần	
17	- Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H10	Một phần	

Lĩnh vực Tôn giáo – Thi đua khen thưởng : 15 TTHC

18	- Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	1.012373.000.00.00.H10	Toàn trình	
19	- Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (Cấp xã)	1.012376.000.00.00.H10	Toàn trình	
20	- Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	1.012378.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

21	- Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	1.012592.000.00.00.H10	Toàn trình	
22	- Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.012591.000.00.00.H10	Toàn trình	
23	- Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012590.000.00.00.H10	Toàn trình	
24	- Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012579.000.00.00.H10	Toàn trình	
25	- Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	1.012374.000.00.00.H10	Toàn trình	
26	- Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	1.012379.000.00.00.H10	Toàn trình	
27	- Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012588.000.00.00.H10	Toàn trình	
28	- Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012586.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

29	- Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012585.000.00.00.H10	Toàn trình	
30	- Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.012584.000.00.00.H10	Toàn trình	
31	- Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.012582.000.00.00.H10	Toàn trình	
32	- Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung 1.012580.000.00.00.H10		Toàn trình	

Lĩnh vực Văn hóa – Thể thao : 6 TTHC

33	- Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1.012084.000.00.00.H10	Toàn trình	
34	. Thông báo tổ chức lễ hội (cấp xã)	1.003622.000.00.00.H10	Toàn trình	
35	. Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

36	. Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901.000.00.00.H10	Toàn trình	
37	. Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902.000.00.00.H10	Toàn trình	
38	. Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903.000.00.00.H10	Toàn trình	

Lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo : 5 TTHC

39	- Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975.000.00.00.H10	Toàn trình	
40	- Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971.000.00.00.H10	Một phần	
41	- Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1.012972.000.00.00.H10	Một phần	
42	- Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

43	- Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012974.000.00.00.H10	Một phần	
Lĩnh vực Lao động – TBXH : 49 TTHC				
44	- Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ (Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã)	1.012537.000.00.00.H10	Một phần	
45	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế - Trường hợp có giấy chứng tử	2.002327	Toàn trình	
46	- Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H10	Toàn trình	
47	- Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812.000.00.00.H10	Toàn trình	
48	- Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

49	- Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H10	Toàn trình	
50	- Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.000.00.00.H10	Toàn trình	
51	- Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1.010815.000.00.00.H10	Toàn trình	
52	- Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H10	Toàn trình	
53	- Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H10	Toàn trình	
54	- Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	1.004964.000.00.00.H10	Toàn trình	
55	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp có giấy chứng tử	2.002325	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

56	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc - Trường hợp có giấy chứng tử	2.002326		Toàn trình	
57	- Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.000.00.00.H10		Toàn trình	
58	- Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H10		Toàn trình	
59	- Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.	2.001661.000.00.00.H10		Toàn trình	
60	- Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H10		Toàn trình	
61	- Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H10		Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

62	- Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H10	Toàn trình	
63	- Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	1.004941.000.00.00.H10	Toàn trình	
64	- Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H10	Toàn trình	
65	- Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H10	Toàn trình	
66	- Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H10	Toàn trình	
67	- Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132.000.00.00.H10	Toàn trình	
68	- Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941.000.00.00.H10	Toàn trình	
69	- Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ (Trường hợp nộp hồ sơ tại	1.012538.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

	UBND cấp xã)				
70	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	2.002326		Toàn trình	
71	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	2.002327		Toàn trình	
72	- Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H10		Toàn trình	
73	- Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	2.002325		Toàn trình	
74	- Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H10		Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

75	- Trợ cấp một lần, trợ cấp mai táng phí, trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng	1.010824.000.00.00.H10	Toàn trình	
76	- Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946.000.00.00.H10	Toàn trình	
77	- Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944.000.00.00.H10	Toàn trình	
78	- Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	2.000286.000.00.00.H10	Toàn trình	
79	- Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H10	Toàn trình	
80	- Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H10	Toàn trình	
81	- Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010803.000.00.00.H1	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

82	- Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H10	Toàn trình	
83	- Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H10	Toàn trình	
84	- Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811.000.00.00.H10	Toàn trình	
85	- Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.010825.000.00.00.H10	Toàn trình	
86	- Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1.010820.000.00.00.H10	Toàn trình	
87	- Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H10	Toàn trình	
88	- Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

89	- Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H10	Toàn trình	
90	- Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H10	Toàn trình	
91	- Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	1.010824.000.00.00.H10	Toàn trình	
92	- Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H10	Toàn trình	

Lĩnh vực Hộ tịch : 28 TTHC

93	- Xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H10	Toàn trình	
94	- Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.002621.000.00.00.H10	Toàn trình	
95	- Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	2.002622.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

96	- Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.	2.001263.000.00.00.H10	Toàn trình	
97	- Đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H10	Toàn trình	
98	- Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H10	Một phần	
99	- Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H10	Toàn trình	
100	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	2.001255.000.00.00.H10	Một phần	
101	- Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.	1.003005.000.00.00.H10	Một phần	
102	- Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H10	Một phần	
103	- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

104	- Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	1.000094.000.00.00.H10	Một phần	
105	- Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H10	Toàn trình	
106	- Đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H10	Một phần	
107	- Đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H10	Toàn trình	
108	- Đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H10	Một phần	
109	- Đăng ký giám hộ.	1.004837.000.00.00.H10	Toàn trình	
110	- Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H10	Toàn trình	
111	- Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

112	- Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới.	1.000080.000.00.00.H10	Một phần	
113	- Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	1.004859.000.00.00.H10	Một phần	
114	- Đăng ký khai sinh lưu động.	1.003583.000.00.00.H10	Một phần	
115	- Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới.	1.000110.000.00.00.H10	Một phần	
116	- Đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H10	Toàn trình	
117	- Đăng ký khai tử lưu động.	1.000419.000.00.00.H10	Một phần	
118	- Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H10	Một phần	
119	- Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

120	- Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.	1.003005.000.00.00.H10	Một phần	
Lĩnh vực Đất đai : 05 TTHC				
121	- Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	1.002335.000.00.00.H10	Một phần	
122	- Hòa giải tranh chấp đất đai	1.003554.000.00.00.H10	Một phần	
123	- Hòa giải tranh chấp đất đai (2024)	1.012812.000.00.00.H10	Một phần	
124	- Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Tặng cho một phần thửa đất đã có GCN)	1.012816.000.00.00.H10	Một phần	
125	- Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc mở rộng cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Tặng cho toàn bộ thửa đất đã có GCN)	1.012816.000.00.00.H10	Một phần	
Lĩnh vực Giao thông vận tải : 5 TTHC				

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

126	- Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	1.004047.000.00.00.H10	Toàn trình	
127	- Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H10	Toàn trình	
128	- Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H10	Toàn trình	
129	- Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H10	Toàn trình	
130	- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	1.003930.000.00.00.H10	Toàn trình	

Lĩnh vực An toàn đập – Hồ chứa thủy điện : 02 TTHC

131	- Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000206.000.00.00.H10		
132	- Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000184.000.00.00.H10		

Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT: 08 TTHC

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

133	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H10	Một phần	
134	- Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H10	Một phần	
135	- Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H10	Một phần	
136	- Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H10	Một phần	
137	- Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H10	Một phần	
138	- Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002161.000.00.00.H10	Một phần	
139	- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H10	Một phần	
140	- Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	1.012693.000.00.00.H10	Toàn trình	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

Lĩnh vực Môi trường : 03 TTHC				
141	- Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.000.00.00.H10	Một phần	
142	- Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1.001662.000.00.00.H10	Một phần	
143	- Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch(xã)	1.012502.000.00.00.H10	Một phần	
Lĩnh vực Quân sự : 13 TTHC				
144	- Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật (Phương tiện kỹ thuật) đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (chủ yếu phương tiện là cá nhân).	2.000010.000.00.00.H10	Một phần	
145	- Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (chủ yếu phương tiện là cá nhân).	2.000773.000.00.00.H10	Một phần	
146	- Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000.	2.000464.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

147	- Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	1.003604.000.00.00.H10	Một phần	
148	- Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	1.003340.000.00.00.H10	Một phần	
149	- Đăng ký Nghĩa vụ quân sự (Nghĩa vụ quân sự) lần đầu	1.001821.000.00.00.H10	Một phần	
150	- Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	2.000029.000.00.00.H10	Một phần	
151	- Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	1.001805.000.00.00.H10	Một phần	
152	- Đăng ký Nghĩa vụ quân sự bổ sung	1.001771.000.00.00.H10	Một phần	
153	- Đăng ký Nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	1.001763.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

154	- Đăng ký Nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.	1.001748.000.00.00.H10	Một phần	
155	- Đăng ký Nghĩa vụ quân sự tạm vắng	1.001733.000.00.00.H10	Một phần	
156	- Đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến	1.001720.000.00.00.H10	Một phần	

Lĩnh vực Công an : 12 TTHC

157	- Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã	2.001159.000.00.00.H10	Một phần	
158	- Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại tỉnh Bình Phước bằng Phiếu khai báo tạm trú tại Công an cấp xã, phường, thị trấn, đồn công an.	1.000253.000.00.00.H10	Một phần	
159	- Đăng ký thường trú (thực hiện tại cấp xã)	1.004222.000.00.00.H10	Một phần	
160	- Xóa đăng ký thường trú (thực hiện tại cấp xã)	1.003197.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

161	- Đăng ký tạm trú tại Công an cấp xã	1.004194.000.00.00.H10	Một phần	
162	- Khai báo tạm vắng tại Công an cấp xã	1.000253.000.00.00.H10	Một phần	
163	- Gia hạn tạm trú tại Công an cấp xã	1.002755.000.00.00.H10	Một phần	
164	- Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật (thực hiện tại cấp xã)	1.010028.000.00.00.H10	Một phần	
165	- Hủy bỏ kết quả đăng ký tạm trú trái pháp luật tại Công an cấp xã	1.010028.000.00.00.H10	Một phần	
166	- Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	1.004335.000.00.00.H10	Một phần	
167	- Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	1.004327.000.00.00.H10	Một phần	

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)

168	- Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	1.012533.000.00.00.H10	Một phần	
-----	---	------------------------	----------	---

(Lưu ý: Truy cập ZALO, quét mã QR để xem tiến trình các bước thực hiện, tờ khai, biểu mẫu... của TTHC. Mỗi 01 mã QR tương ứng với 01 TTHC)